

SỐ 1645

## CHƯƠNG LUẬN SỞ TRI

*Đời Nguyên, Chánh Phụng đại phu*

*Đồng Tri Hành Tuyên Chính Viện Sự Liêm soạn lại.*

### LỜI TỰA

Phàm người ra khỏi tam giới chỉ có Phật. Đức Phật vì đại sự nhân duyên cho nên xuất hiện ra nơi đời, thương xót chúng sanh mà giáo hóa. Đây là tuyên bày pháp xưa của Chư Phật, không để cái thiện mai một. Đại Nguyên Đế sư thông suốt Tam thừa, tánh hạnh trong sáng như mùa xuân, lòng nhân từ và sâu xa không thể lường. Vua Dụ Tông đất đai tài sản nhiều vô số, biết Sư là bậc chính truyền, nên hạ mình cung kính thỉnh Sư truyền bày giáo pháp Sư, dốc lòng bố thí chí hướng tĩnh lặng, hoằng dương nghiệp Đệ, mở lớn tông phong, bày tỏ những gì đã biết, tạo luận về nó rất ráo văn lý suy bày pháp nghĩa, rõ ràng sáng sủa như nhật nguyệt, rộng như trời đất. Bởi là việc của Như Lai không phải bậc Thánh ai có thể nói rõ được. Chủ lĩnh Tuyết nham, Ông Anh Tử Gian Thế, đồng ý truyền trao cho mọi người; đời pháp tịch của Sư đã lâu, im lặng dịch bộ Luận này. Thấy truyền nơi đời, ông xưa cùng với tôi đều xem, giao tình cùng hiểu rõ, yêu thương tôi như đàn em. Công cố đưa cho tôi viết lời Tựa, tôi cố gắng chống đỡ, phân bua mình vụng về viết lách sao có khả năng làm xán lạn Thánh Giáo ư! Ông cười mà nói rằng: “Sao người khiêm tốn quá vậy! Thế là không dám từ chối, tôi bèn viết Tựa này.

SỐ 1645

## CHƯƠNG LUẬN SỞ TRI

*Nguyên Đế sư Phát-Hợp Tư Ba tạo Luận.  
Tuyên Thọ Giang Hoài Phúc kiến, các nơi Thích giáo bao gồm pháp tánh  
Tâm tạng Hoàng giáo Phật Trí Đại Sư Sa La Ba dịch.*

### QUYỂN THƯỢNG

*Kính lễ Kim cang Thượng Sư.  
Kính lễ chư Phật Bồ tát.*

Biển tri kiến sở tri, thương xót khai thị mở bày cho quần sanh. Kính lễ tối thượng tri. Con nay diễn chương sở tri. Gọi là khí tình thế giới; đạo pháp cùng quả pháp, và các pháp vô vi, tóm lược nêu làm năm.

### PHẨM KHÍ THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Nói thế tạo thành khí thế giới, tức là hạt giống tứ đại, khi hạt giống đầy đủ thì nảy mầm mọc lên. Đất cứng chắc, nước mềm trơn ướt, lửa ấm áp, gió lay động, Các đại chủng, ấy rất nhỏ bé gọi là cực vi trần, cũng gọi là lân hư trần, không thể giải thích đầy đủ. Bảy lân hư kia là một cực vi. Bảy cực vi kia là một vi trần. Bảy vi trần là một thấu kim trần; bảy thấu kim trần là một thấu thủy trần. bảy thấu thủy trần là một thố mao trần; bảy thố mao trần là một dương mao trần; bảy dương mao trần là một ngư mao trần, bảy ngư mao trần là một du khích trần; bảy du khích trần kia là một nghĩ lượng, (Nhỏ như kiến) bảy nghĩ lượng kia là một sắt lượng, (trùng sâu), bảy sắc lượng kia là một mạch lượng (hạt lúa); bảy mạch lượng kia là một chỉ tiết (lóng tay) ba tiết là một chỉ



(ngón tay); hai mươi bốn chỉ ngang rộng là một khuỷu tay, bốn khuỷu là một cung, năm trăm cung lượng thành một câu-lô-xá, tám câu-lô-xá thành một do tuần. Đây là ước lượng thế giới thân tướng. Thế giới thành tựu nhân do công nghiệp của tất cả hữu tình chiêu cảm. Như thế nào gọi là thành? Từ trong không giới mười phương gió nổi lên, cùng nhau xung kích dày đặt thành khối bất động, là diệu phong luân. Sắc nó màu trắng xanh, rất lớn chắc thật, sâu mười sáu lạc-xoa do tuần, lượng rộng vô số. Do hơi nóng sanh ra mây gọi là Kim tàng, giáng xuống mưa lớn, theo gió mà trụ lại. Gọi đó là dưới đáy biển, sâu mười một lạc-xoa hai vạn do tuần. Rộng mười hai lạc-xoa ba ngàn bốn trăm phân nửa do tuần. Loại nước này truyền kích lên trên kết thành kim. Giống như sữa chín ngưng đọng lại, ở trên thành màng. Tức là kim địa luân cho nên thủy luân giảm chỉ còn dày tám lạc-xoa. Ngoài ra, chuyển thành kim luân dày ba lạc-xoa hai vạn do tuần; Kim luân rộng, bằng thủy luân. Chu vi tức thành gấp ba lần, hợp thành ba mươi sáu lạc-xoa, một vạn ba trăm năm mươi do tuần.

Trước đó, phong luân dưới đáy cõi Sa bà, dưới đáy bốn châu và địa luân thủy luân; trên địa luân lại mưa lớn xuống, tức thành biển lớn. Bị phong kích tán, tinh diệu kết tụ lại, thành núi Diệu Cao, các chất hạng trung tụ tập thành bảy núi vàng óng. Chất lượng kém tụ thành núi sắt vây quanh, còn tạp chất tụ tập thành bốn châu v.v... Thể của chúng là núi Diệu cao, phía Đông là bạc, Nam là lưu ly, Tây ngọc pha lê ka, Bắc là những thứ do vàng tạo thành, hơn bảy thứ chỉ là vàng. Bốn châu với đất v.v... do phẩm làm thành, còn núi sắt vây quanh kia chỉ do sắt làm thành, lượng của núi Diệu cao phần ngập vào nước tám vạn du-thiện-na, so với núi khác thấy đều diệu cao hơn. Gọi là Diệu Cao về sau thứ tự có bảy núi vàng bao quanh.

Một là núi Du-càn-đà-la núi cao bốn vạn do tuần.

Hai là núi Y-sa-đà-la cao hai vạn do tuần.

Ba là núi Khư-đắc-la-kha, cao một vạn do tuần.

Bốn là núi Tu-đăng-sa-la, cao năm ngàn do tuần.

Năm là A-du-hạt-na, cao hai ngàn năm trăm do tuần.

Sáu là núi Tỳ-nê-đán-ca-na, cao ngàn hai trăm năm mươi do tuần. Bảy

là núi Cư-dân-đà-la. Cao sáu trăm hai mươi năm do tuần. (Trong tàng luận sơ cho rằng: Một là núi Trì Song. Hai là núi Trì Trục. Ba là

núi Duyên Mộc. Bốn là núi Thiện Kiến. Năm là núi Mã Nhĩ. Sáu là

núi Tượng Ty. Bảy là núi Ngư Chủy) Tứ đại châu bên ngoài có núi

bao vây vòng quanh, cao ba trăm mười hai rưỡi do tuần. Những núi kia

lượng tự rộng bằng nhau, đều xuất lên mặt nước lượng đồng nhau. Giữa núi Thất kim có các Long vương thường đến chỗ này dạo chơi. Gọi là Hí Hải. Bảy biển giữa tám núi gần núi Diệu Cao là.

- 1) Biển Du-càn-đà-la, rộng tám vạn do tuần.
- 2) Biển Y-sa-đà-la, rộng bốn vạn do tuần.
- 3) Biển Khư-đắc-la-kha, rộng hai vạn do tuần.
- 4) Tu-đăng-sa-la, rộng một vạn do tuần.
- 5) Biển A-du-hạt-na, rộng năm ngàn do tuần,
- 6) Biển Tỳ-ni-đát-ca-na, rộng hai ngàn năm trăm do tuần,
- 7) là Biển Ni-dân-đà-la, rộng một ngàn hai trăm năm mươi

do tuần.

Các biển đều đầy chứa nước tám công đức. Tám núi và bảy biển tương nó đều vuông, ngoài biển nước có vị mặn. Núi Ni-dân-đà-la, cách núi bao quanh (Luân vi) ba lạc xoa hai vạn, hai ngàn do tuần, ngoài biển này nước tuy không có phân chia nhưng do sắc núi Diệu Cao, nên biển đông có màu trắng, biển Nam màu xanh, biển Tây màu hồng, biển Bắc màu vàng, các màu sắc, ấy hiển hiện nên gọi là Tứ hải. Chu vi Tứ hải ba mươi sáu lạc xoa. Bảy trăm năm mươi do tuần; núi Luân vi bên ngoài có chu vi ba mươi sáu lạc xoa hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm do tuần. Bên ngoài biển này có biển Nam Thiệm Bộ châu, hình trạng giống như xa sương hiệp cách núi Thiết vi bao bọc ba do tuần rưỡi còn ba phía khác mỗi phía hai ngàn do tuần, chu vi sáu ngàn lẻ ba do tuần rưỡi. Có hai châu ở giữa Đông là Giá Ma La (Đây dịch là Mao Ngưu) Phía Tây Bà-la-ma-la (đây dịch là Thắng mao ngưu). Trong chính giữa Thiệm Bộ là nước Ma Kiệt Đà là nơi mà ba đời chư Phật sinh ra. Tiếp từ đây cách hướng Bắc khoảng chín ngọn Hắc sơn, có núi tuyết lớn tên gọi Cự Kiết Tường. Phía Bắc này có núi Hương Túy, giữa hai núi có Đại Long Vương, tên gọi là Vô Nhiệt là cái ao Long Vương cư trú gọi là ao A nậu đạt. (Đây dịch là Vô nhiệt). Hình trạng của núi này có bốn bên mỗi bên dài năm mươi do tuần, chu vi hai trăm do tuần. Trong ao có nước tám công đức đầy khắp, từ trong ao này xuất ra bốn sông lớn. Phía Đông sông Căng-già từ sông này giống như miệng voi chảy, xuất ra cát vàng, cộng chung năm trăm sông chảy về biển nam; sông Tân Độ từ trong miệng trâu lưu xuất cát lưu ly cùng năm trăm sông chảy về biển Nam. Phía Tây sông Phược-sô, giống như miệng ngựa chảy cát ra pha lê, cát ngọc quý cùng năm trăm sông chảy về biển Tây. Phía Bắc có sông Tất Đất, từ sông này như miệng sư tử chảy ra cát vàng, cùng năm trăm sông chảy về biển Bắc. Bốn sông kia từ ao Vô nhiệt, vòng phía tay

phải bảy vòng theo hướng mà chảy. Phía Bắc Hương sơn khoảng hai mươi do tuần, chỗ ấy có núi hiểm trở gọi là núi Nan đà, mỗi bên năm trăm do tuần, chu vi hai trăm do tuần, cao ba do tuần rưỡi. Lại có tám ngàn núi nhỏ hiểm trở. Dọc theo phía Bắc các núi đó khoảng hai mươi do tuần, có cây Sa-la thọ vương, gọi là Thiện trụ, rễ của cây ăn vào đất bốn mươi cung cao tám mươi cung lượng, bảy lớp hàng cây là liệt vây quanh. Dọc theo phía Bắc núi khoảng hai mươi do tuần, có ao nước chảy chậm rãi. Ao này hình trạng tròn, rộng năm mươi do tuần, chu vi một trăm năm mươi do tuần. Lại có tám ngàn ao nhỏ, có chứa đầy nước tám công đức, trong ao có hoa sen, lá sen dày như da trâu, cọng sen như trục xe, hoa như bánh xe, mùi vị thơm ngon như mật ngọt; chỗ đó lại có dấu vết Tượng vương (voi chúa) mà Trời Đế Thích đánh nhau đã cưỡi, gọi là Thiện trụ, cùng tám ngàn voi. Bốn tháng giá lạnh trụ lại núi vàng, bốn tháng nóng bức trụ ở Thiện trụ, bốn tháng mưa trụ ở ao nước chảy chậm. Bên ao Vô nhiệt, có cây Thiệm bộ, trái quả có mùi vị thơm ngon, kỳ lương như trái xoài khi chín rơi xuống nước phát ra âm tiếng Thiệm bộ. Khi ấy rồng hóa làm cá nuốt ăn, còn những quả tàn héo rơi trôi theo dòng nước thành vàng Thiệm bộ. Do tên gọi cây mà đặt tên cho Châu Thiệm bộ. Hướng phía Tây Châu này có nước Ô điền, có cung của thần đại Kim Cang cư ngụ duy trì giống loại pháp Kim Cang thừa được truyền ra từ đây. Trong biển phía nam có núi gọi là Trì Thuyền, có Đức Quán Âm Bồ tát ngự ở trên đỉnh núi này. Thánh mẫu Đa La ở dưới chân núi. Phía đông có năm núi cao chót vót, Bồ tát Văn thù ngự ở trên núi này, có sáu mươi nước lớn, ngàn số nước nhỏ. Lại có ba trăm sáu mươi chủng loại người, có bảy trăm hai mươi chủng loại âm tiếng nói khác nhau. Ngoài biển Đông có châu thổ gọi là Thắng Thân, hình trạng giống như nửa vầng trăng, so sánh núi Diệu Cao ba trăm năm mươi do tuần hơn sáu mươi do tuần, chu vi sáu ngàn ba trăm năm mươi do tuần. Hai bên châu này có hai châu. Bắc ĐỀ Ha, (đây dịch là Thân). Nam Tỳ ĐỀ Ha, (đây dịch là Thắng thân), ba châu đó vượt hơn, châu còn lại bảy cây Đa La, hoặc gọi là châu, dung mạo của người đoan nghiêm, thân của người thắng diệu, cho nên gọi là Thắng thân. Ngoài biển này châu phía Bắc gọi là Cừ Lô. Hình trạng của châu này bốn góc vuông dọc theo bốn hướng gần giống nhau đều hai ngàn do tuần chu vi tám ngàn do tuần, hai bên châu này ở giữa có hai châu. Một gọi là Cừ Lô. (Đây dịch Hữu Thắng) Hai gọi là Cao La Sa. (Đây dịch là Thắng Biên). Người châu kia vốn có cây Như ý xuất ra đủ mọi thọ dụng. Sắp đến bảy ngày cây Như ý phải chết xuất ra âm không hay, báo hiệu bảy ngày nữa sẽ

chết. Hoặc nói người châu này hèn kém, lưỡi tức liền cắt ăn thịt phát âm quỷ, cho nên gọi là Cửu lâu, là âm tiếng phát ra không hay. Ngoài biển này phía Tây có châu gọi là Ngư Hóa. Hình như mặt trăng tròn đầy, rộng một ngàn năm trăm do tuần, chu vi bảy ngàn năm trăm do tuần, ở giữa có hai châu. Nam xá Hổ. (Đây dịch Cụ siển. Bắc Ôn-đát-la mạn-đát-ly, nô (đây dịch Nghi Thượng). Người châu kia nhiều của cải trâu báo, cho nên gọi là Ngư hóa châu, các núi biển hướng phía dưới đều tám vạn do tuần, gần vì Kim địa, nên gần Thiệm Bộ Châu, Tinh cát châu, Kim châu, Nguyệt châu v.v... hệ thuộc Thiệm bộ châu. Châu này lớn hơn các châu nhỏ cũng như vậy, kể trên không trung có bốn vạn do tuần, thuần tịnh, không ngăn ngại, vượt trời cứng chắc, phong luân từ phía phải mà thổi vòng, nhật nguyệt, tinh tú ở bầu trời đều dựa vào đây mà trụ. Nhật luân đó là do hỏa châu tạo thành, đường kính, năm mươi mốt do tuần chu vi một trăm năm mươi ba do tuần, bề dày sáu do tuần lẽ mười tám phân. Trên có kim duyên. Trên kim duyên lại có kim ngăn, lưu ly pha lê châu v.v... suốt thành bốn góc. Cung điện của Thiên tử Mặt trời v.v... ở do phong luân vận hành nên một ngày, một đêm vây quanh bốn đại châu. Mặt trời đi về hướng Bắc thì ngày tức dài. Mặt trời đi về hướng Nam thì ngày ngắn, đi về hướng Nam Bắc thì thời gian ngày đêm dừng lại do mặt trời đi chỗ có ánh sáng tức là có lạnh và nóng, là có biên giới mùa đông mùa hè, có sáu tháng hướng Bắc, sáu tháng đi hướng Nam đi đến trung đạo gọi là nhật nguyệt quay trở lại là Tinh luân. Trải qua một vòng gọi là một năm. Nguyệt luân do thủy châu tạo thành. Đường kính năm mươi do tuần, chu vi năm trăm năm mươi do tuần, bề dày sáu do tuần lẽ mười tám phân. Nguyệt luân này trên lại có kim ngân, lưu ly, pha lê châu v.v... suốt thành bốn góc. Là cung điện của Thiên tử mặt trăng ở, là khi nhật, nguyệt kia cách nhau xa gần, bóng tự nó tăng hay giảm, do tăng một phần tức sanh trên phân nữa, mười lăm phần tất gọi là tròn đầy, do giảm một phần tức sanh dưới phân nữa, bóng tự nó bóng che kia. Mười lăm phần hoàn tất gọi là không tròn đầy. Do tăng giảm cho nên gọi là Túc không. Do một ngày đêm gọi là Túc địa. Như vậy ba mươi ngày gọi là một tháng. Các tinh tú đó, là không cư Thiên, cung điện do các báu tạo thành, hình trạng tinh đều tròn, nhỏ bằng một lỗ lông trâu, trung ba lỗ lông trâu, lớn bằng sáu lỗ lông trâu, chu vi gấp ba, Tứ vương chúng. Núi Diệu cao có bốn tầng cấp: Tầng một từ mặt nước lên đến mười ngàn do tuần. Tầng hai từ bên cạnh núi Diệu cao nhô ra mười sáu ngàn do tuần, hướng lên trên một vạn do tuần. Tầng ba từ bên cạnh nhô ra tám ngàn do tuần,

hướng lên trên một vạn do tuần Tầng bốn từ bên cạnh nhô ra bốn ngàn do tuần hướng lên trên một vạn do tuần. Bên cạnh lại nhô ra hai ngàn do tuần. Núi Diệu cao kia trên đỉnh có bốn góc, mỗi góc vượt lên một ngọn núi, cao bốn do tuần rưỡi, rộng một trăm hai mươi lăm do tuần, chu vi năm trăm do tuần có thần Dược xoa đứng ở trong đó. Trên đỉnh núi có thành chính giữa của ba mươi ba Trời, gọi là Thiện Kiến thuần là vàng ròng tạo thành, cao một do tuần rưỡi, mỗi mặt hai ngàn năm trăm do tuần, chu vi vạn do tuần thể của thành làm bằng vàng, (đều dùng trăm thứ trang nghiêm một loại tạp báu. Đất đây mềm mại như bông Đậu la miên, Bốn mặt thành có một vạn sáu ngàn cây cột báu, rui báu, mè báu, hiên báu, bốn mặt, bốn cửa. Lại có ngàn cổng một cửa nhỏ, bốn con đường thông ngã tư lớn, có các ngã nhỏ, bên bốn cửa này có năm trăm Thiên tử đều mặt giáp phục cứng chắc để thủ hộ nơi cửa. Trong thành có điện Đế Thích, gọi là Tối thắng xứ, cũng gọi là Thủ thắng điện. Thành này hình trạng vuông vức vuông cao bốn trăm do tuần rưỡi. Mỗi mặt hai trăm năm mươi do tuần, chu vi một ngàn do tuần, hàng trăm lô cốt ngăn địch, mỗi lô cốt có bảy lầu, mỗi lầu báu lại có bảy lầu nhỏ, mỗi lầu nhỏ có bảy ao nước tròn, mỗi ao nước tròn có bảy hoa sen, trên mỗi hoa sen có bảy đồng nam, đồng nữ, tấu các loại nhạc ca hát, nhảy múa vui chơi.

Thành Thiện kiến phía Đông có các e để cưới gọi là vườn Chúng Xa, cao ngàn do tuần, nơi đánh nhau phía nam gọi là vườn Tho ác, các nơi đi về phía Tây gọi là vườn Tương tạp nơi dạo chơi phía bắc gọi là vườn Hoan hỷ. Ngang rộng giống như trước. Ngoài vườn này khoảng hai mươi do tuần, có đất lạnh gọi là Chúng xa, Tho ác, Tương tạp, Hoan hỷ, bốn vườn này rộng bằng nhau. Thành Thiện Kiến phía Đông bắc có cây Như ý, tên gọi là Ba-lợi xà đa, cũng gọi là viên sanh thọ rể sâu năm mươi do tuần, cao trăm do tuần, nhánh lá bên che trùm năm mươi do tuần, có thể tùy theo ý muốn thí cho vui chơi, dưới gốc cây có bàn thạch. A-lật-ma-lê-ca, màu trắng như bông tơ, mỗi mặt năm mươi do tuần chu vi hai trăm do tuần.

Thành Thiện Kiến phía Tây nam là chỗ chư thiên tập hợp, gọi là Thiện Pháp đường, chu vi chín trăm do tuần hình tròn. Trong chính giữa nhà có tòa cửa Đế Thích, thuần bằng vàng ròng. Tòa này chu vi có ba mươi hai tòa phụ cận thân, bảy tầng, đều sắp đặt đủ cho ba mươi ba trời. Hướng lên khoảng tám vạn do tuần, giữa không trung dựa vào gió mà trụ do các báu tạo thành. Cung trời Ly tránh lớn cao gấp hai lần đỉnh núi Diệu cao, hướng lên khoảng một ức sáu vạn do tuần ở không trung dựa



vào gió mà trụ, do các bầu tạo thành. Cung cỡi trời Đâu suất lượng như cung Trời Ly Trách, ngang dọc gấp đôi đỉnh núi Diệu Cao, hướng lên khoảng ba lạc xoa, hai vạn do tuần ở nơi không trung dựa vào gió mà trụ do các bầu tạo thành.

Cung cỡi trời Hóa lạc lượng như Đâu suất, ngang dọc gấp đôi, như trên, hướng lên khoảng sáu lạc xoa, bốn vạn do tuần ở không trung dựa vào gió mà trụ do các bầu tạo thành. Cung lượng của cỡi trời Tha Hóa tự tại, giống như cung Hóa lạc, ngang dọc rộng gấp đôi. Đây tức là dục giới. Trên có cỡi sơ thiên. Bốn châu, bảy núi, Diệu cao, Luân vi, Thiết vi, sáu cỡi trời Dục và sơ thiên v.v... gọi là Tứ châu giới. Một đến ngàn là tiểu thiên giới. Một núi thiết vi nhỏ vây quanh Tiểu thiên giới từ một đến ngàn, là trung thiên giới là một núi thiết vi trung vây quanh. Trung thiên giới này một đến ngàn là tam thiên đại thiên thế giới. Một đại thiết vi vây quanh núi. Như thế có trăm ức số tứ châu giới v.v... thấy đều vân hành đi khắp núi Thiết vi v.v... Giữa các châu, núi có chỗ tối tăm, không có ngày và đêm, đưa tay lên cũng không thấy. Lượng cỡi sơ thiên bằng tứ châu giới. Lượng cỡi nhị thiên bằng tiểu thiên giới. Lượng cỡi tam thiên bằng trung thiên giới. Lượng cỡi tứ thiên bằng tam thiên đại thiên thế giới. Cỡi thiên này cách cỡi Thiên đều mỗi tầng gấp đôi lên. Gọi là sắc giới, Vô sắc giới thì không có chỗ riêng, hễ có sanh thì, chỗ nào mạng chung tức chỗ đó sanh trụ vô sắc định cho nên gọi là vô sắc.

### PHẨM TÌNH THẾ GIỚI THỨ HAI

Nói Tình thế giới tóm chung có sáu loại. Một là địa ngục. Hai là ngã quỷ. Ba là bàng sanh. Bốn là người. Năm là phi thiên. Sáu là Thiên. Đây Đó là danh còn nghĩa thế nào? Gọi là chém chặt, hủy hoại chi thể nên gọi địa ngục. Đói khát bức bách nên gọi ngã quỷ. Ngang mặt đất mà đi nên gọi bàng sanh. Nhiều ý phân biệt nên gọi người. Thân và thọ dụng, như Nghĩa Ma-nâu-sa tuy cùng trời đồng nhưng phần thấp kém hơn nhỏ bé hơn. Hoặc là do không uống rượu cho nên gọi là phi Thiên là nghĩa A-tu-la. Từ thân Phạm mà sinh ra, dạo chơi vui khoái lạc hoặc nhận cúng dường cho nên gọi là Thiên, là nghĩa Đề Bà. Địa ngục ở cỡi dưới Thiệm Bộ châu qua hai vạn do tuần, khoảng trống rộng lớn vuông vức hai vạn do tuần, thuần làm bằng sắt lửa đốt rỗng suốt. Có tám ngục nóng:

- 1) Cánh hoạt.
- 2) Hắc Thăng.

- 3) Chúng hợp.
- 4) Hào kiếu
- 5) Đại Hào khiếu
- 6) Diễm nhiệt
- 7) Đại Diễm nhiệt
- 8) Vô gián.

- Ngục Cánh hoạt: đó là Hữu tình sinh đây do cảm nghiệp trước, thường cầm vũ khí, gây gộc cùng nhau khởi lên oán thù, bị ngục tốt chém chặt, giết hại đoạn thân rơi rớt xuống muôn ngàn sâu thẳm đến mức tạm thời chết đi nghe tiếng trên không kêu sống lại, các hữu tình kia tức là sống lại, rồi lại cùng nhau chém chặt giết hại. Thọ lượng ở đây một ngày một đêm bằng một đời ở trời Tứ thiên vương, cứ vậy mà tính, thọ năm trăm tuổi nhận khổ sở vô cùng.

- Ngục Hắc Thằng, các ngục tốt cai quản trong ngục này đối với thân thể của chúng hữu tình thân, từ trên đỉnh đầu đến chân dùng dây đen mà quấn quanh, rồi dùng lưỡi cửa nướng trong lửa đỏ mà cửa dây đứt đến thân thể, do nghiệp lực trước mổ xẻ chúng sanh từ nhỏ đến lớn. Thọ lượng nơi đây một ngày một đêm bằng một đời ở Trời Đao lợi cứ vậy mà tính thọ đến một ngàn tuổi nhận lấy khổ sở.

- Ngục Chúng hợp: Hữu tình sanh kia bị ngục tốt dùng roi Sắt đuổi bắt đập đánh, hoặc là hai núi sắt, giống như đầu dê. Hai núi ép lại xô đá rớt xuống làm cho nát thân thể, khi mở ra tự nhiên sống cứ như vậy mà chịu khổ. Thọ lượng đây một ngày một đêm bằng một đời ở cõi trời Ly-tránh, như thế mà tránh thọ đến hai ngàn tuổi, nhận lấy khổ sở.

- Ngục hào khiếu: chúng hữu tình sanh đây vì sợ ao sắt nóng chảy, chạy vào trong rừng rậm, lửa cháy dữ dội suốt năm, thêu đốt. Do nghiệp lực trước, lưỡi của thân người này ngang dọc rộng ngàn do tuần, có một con trâu lớn, sừng sắt, móng lưỡi cày sắt, lửa cháy dữ dội mà cày bừa trên lưỡi người tội, Thọ lượng đây một ngày một đêm bằng một đời ở cõi trời Đâu Suất, cứ vậy tính số thọ mạng bốn ngàn tuổi, nhận lấy sự khổ sở.

- Ngục Đại Hào khiếu: Cũng giống như ngục Hào khiếu nhưng khổ sở tăng gấp bội lần, Thọ lượng đây một ngày một đêm bằng một đời của cõi trời Hóa Lạc. như vậy tính số thọ mạng tám ngàn tuổi, nhận chịu sự khổ sở.

- Ngục Diễm nhiệt: Có ba lớp thành sắt, lửa cháy suốt bên trong nhận khổ sở vô cùng tận. Thọ lượng đây một ngày một đêm bằng một đời ở Trời Tha Hóa tự tại. Như vậy tính thọ mạng đây một vạn sáu ngàn

tuổi, nhận lấy sự khổ sở.

- Ngục Cực Diệm Nhiệt, cũng giống như Diệm nhiệt nhưng khổ sở tăng bội phần. Thọ lượng kia bằng nửa trung kiếp, nhận lấy sự khổ sở.

- Ngục Vô gián là nơi nhà sắt thân bên trong tụ lửa thiêu đốt nhận chịu rất khổ sở. Thọ lượng đây bằng một trung kiếp. Mười sáu ngục tầng Tám ngục nóng ở bên ngục mỗi có bốn chỗ tầng hơn:

1. Lửa thiêu đốt tăng lên nghĩa là hữu tình đều chân ở dưới nước tới đầu gối, khi đi, vừa nhấc chân lên, da, thịt cùng với máu đều thiêu đốt rơi lã chã, còn sót lại lớp xương, chân hạ xuống lại bình phục như cũ.

2. Thân chết phân uế dơ bẩn tăng lên. Chìm trong bùn đến hữu tình đến ngang lưng, ở trong có nhiều loại loài trùng nhưng củ cắn rứt, mỏ bén nhọn như kim lột da rút xương, ăn xương thịt, tủy người.

3. Dao trên đỉnh núi tăng lên; có ba loại. Một là đao kiếm lốt đường. Nghĩa là trong đây đao kiếm ngửa lên phủ khắp đường đi. Hữu tình đi qua kia, vừa để chân xuống thì chân, da thịt cùng với máu huyết bị cắt rơi lã chã, náy vụn, nhấc chân lên bình phục trở lại như cũ. Hai là rừng lá kiếm. Rừng cây này thuần là đao kiếm sắc bén nhọn làm lá, Hữu tình đi dạo bị gió thổi lá rơi rụng, chém chặt đâm vào thi thể xương thịt nát vụn, có quạ đen, ngựa chó dày xéo chà đạp, ngậm lấy mà ăn. Ba là rừng gai sắt còn gọi là Tiêm-ma-lợi. Rừng cây này có sắc nhọn dài bằng mười sáu ngón tay. Hữu tình bị bức bách leo lên tuột xuống cây, cây thì sắc nhọn bén đâm vào thân thể, như vậy các chúng hữu tình, máu thịt da v.v... tới tả, đâm rồi nhồi nát, trên chỉ cắt đoạn đến xương cốt có sừng bén nhọn. Có chim mỏ sắc, dùng mỏ mổ mắt chúng hữu tình, tủy não rơi rớt, rồi tranh nhau mà ăn. Ba loại tuy rất đặc biệt có khác nhau, mà gây sát cũng đồng như vậy cho nên hợp thành một loại tầng.

4. Sông nóng nhiệt tăng lên còn gọi là vô độ, Sông đây đầy khắp, tro than, nước dơ nóng, hữu tình vào trong đó, hoặc nổi hoặc chìm, hoặc nghịch, hoặc thuận, hoặc là ngang hoặc đứng thẳng, bị hấp bị nấu, xương thịt nát nhừ. Như trong nồi lớn, đầy thành tro nước đặt lúa gạo vào đun lửa nóng dữ dội bên dưới trên hoặc giữa. Xoay tròn thân thể cử động là nát nhừ như gạo nấu cháo, chúng hữu tình cũng như vậy. Lúc bấy giờ muốn chạy trốn, thì trên hai bờ sông, có các lính ngục, tay cầm đao thương, ngăn chặn lại khiến cho quay trở lại, do đó không được trốn ra ngoài. Một sông tầng rơi này giống cái hào (hào lũy) còn ba tầng trước như vườn. Chúng còn gọi là địa ngục cận biên. Đó Tám ngục lạnh:

1. Bao.

2. Bao liệt.
3. A-Tra trá.
4. A-ba-ba.
5. Ấu hầu hầu.
6. Liệt. Như Uất-bát la hoa. (Đây dịch hoa sen xanh).
7. Liệt liên hoa.
8. Liệt như đại liên hoa.

- Ngục Thủy Bao đó là: Sống trong nước lạnh, rất lạnh buốt giá. Theo đó thân sinh mụn bọc nước gọi ngục Thủy bào, tức trong bọc nước rất lạnh, Thọ lượng đây như nước Ma Già đà, có học lớn, tám mươi học, một trăm năm bỏ ra một hạt mè, như học mè này hết thì kia thọ mạng cũng như vậy.

- Ngục Bao liệt đó là: Do rất lạnh mụn nước này bề tiết ra nước mủ vàng, thọ lượng kia gấp hai mươi lần Ngục Bao.

- Ngục A tra tra đó là: Do quá lạnh lẽo nên kêu gào nghiến răng, nhẫn chịu Thọ lượng đây gấp hai mươi lần ngục Bao liệt.

- Ngục A ba ba đó là: Do nhẫn chịu lạnh nên phát ra tiếng rên hừ hừ. Thọ lượng đây gấp hai mươi lần ngục trước (A tra tra)

- Ngục Ấu hầu hầu đó là: Do lạnh quá nên phát tiếng khóc than khổ, kia thọ lượng đó cũng như trước gấp hai mươi lần A ba ba.

- Ngục Liệt như Uất bát la hoa đó là: Thân bị giá lạnh tả tơi như lá của loại hoa Uất-bát la, Thọ lượng đó gấp hai mươi lần ngục Ấu hầu hầu.

- Ngục Liệt như liên hoa đó là: Thân bị giá lạnh tả tơi như hoa sen mới nở ra, Thọ lượng gấp hai mươi lần ngục trên.

- Ngục Liệt như Đại liên hoa đó là: Thân tả tơi như hoa sen lớn nở vượt lên nở ra phô bày nhiều lá, Thọ lượng gấp hai mươi lần ngục trên.

- Ngục cô độc đó là: Ở trong Thiệm bộ đề nơi hoang dã giữa núi, một ngày, một đêm, nhận sự khổ, nhận sự vui, xen lẫn nhau mà thọ nhận tám ngục nóng, tám ngục lạnh cận biên cô độc, như vậy gọi là mười tám địa ngục.

Quý dưới thành Vương xá hơn năm trăm do tuần, có thành ngã quý gọi là Huỳnh bạch, cũng gọi là Thảm Diêm. Vua quý kia gọi là Diêm La Pháp vương, cùng với ba mươi sáu quyến thuộc ở. Lại quý này có bốn:

1. Ngoại chướng.
2. Nội chướng.

## 3. Âm thực chướng.

## 4. Chướng âm thực.

- Ngoại chướng việc ăn uống, nghe nói ăn uống cũng không được.

- Nội chướng, được ăn uống chút ít, miệng như lỗ kim không thể nuốt vào được, Giả sử có thể nuốt vào trong miệng, thì cỏ như đuối ngựa nuốt không thể qua, giả sử như qua được khỏi cổ, thì bụng lớn như núi không thể no đầy, tuy no đầy trong bụng, thì cổ chân như cọng cỏ, không thể cử động được. Đây là nhận thọ khổ rất lớn lao.

- Âm thực chướng đó là, khi mà thấy ăn uống, có nhiều lính ngục cầm các khí giới như đao trượng ngăn giữ không được ăn uống.

- Chướng âm thực đó là khi ăn khi uống do chỗ nghiệp cảm nên chỉ nuốt hoàn sắc nóng, khi uống thì uống nước đồng sôi, mãi trong miệng rồi từ dưới chảy ra. Như vậy bốn loại đều là ngã quý. Thọ lượng một ngày một đêm bằng nhân gian một tháng như vậy là tính tuổi thọ năm trăm tuổi, tức tương đương nhân gian một vạn năm ngàn năm. Hoặc ở nhân nhơn gian các chỗ rừng lạnh, ăn máu thịt đều là quý loại quý đối. *Bàng sanh*: Ở nhiều nơi sông biển cũng cạn bả và rượu xen lẫn hỗn tạp mà sống; vì lớn ăn nhỏ, nhỏ ăn nên lo sợ lẫn nhau, dục vào sông biển mà sống, không như định. Hoặc là chỗ ở của trời, người. Thọ lượng đó lâu dài như thọ lượng long vương bằng nửa trung kiếp, còn ngắn thì như con phù du thọ mạng chỉ một sát na. thân lượng không định.

*Người*: Trụ ở bốn đại châu, tám trung châu v.v... và các châu nhỏ, kia Thọ lượng như người Thiệm bộ châu, lúc ban đầu kiếp thành thì thọ mạng vô lượng, về sau giảm lần, nay chỉ còn sáu mươi tuổi. Kế đến lại giảm lần đến mười tuổi. Tiếp đến, tăng dần dần không có định lượng. Người Bắc-Cửu-lâu định thọ lượng một ngàn tuổi. Người Đông Thắng thọ lượng năm trăm tuổi. Tây Ngưu hóa châu, thọ lượng hai trăm năm mươi tuổi. Ngoại trừ Bắc Cửu lâu châu, còn các châu kia đều có chết yếu. Về thọ dụng thì Bắc Cửu lâu châu thức ăn lá lúa tự nhiên, y phục là đồ tốt quý anh lạc xuất ra từ cây như ý; Ngoài ra ba châu khác còn ba châu kia ăn ngũ cốc, thịt v.v... thọ dụng vật báu v.v... Về thân lượng: Người Thiệm Bộ Đê, cao một trữu (khủy tay) tám trữu. Người Tây Ngưu hóa châu, mười sáu trữu. Người Bắc Cửu lô ba mươi hai trữu, những người này diện tướng phụ thuộc hình trạng các châu, nghĩa là người ở châu nhỏ bằng nửa châu lớn, thì lượng thân cũng giảm nữa, cho nên nói như vậy.

*Phi Thiên*: Từ chân mặt nước dưới núi Diệu cao xuống hơn một

vạn một ngàn do tuần. Giữa núi trống rộng lớn trong thành Quang minh có, vua A-tu-la còn là La-hầu-la. (Đây dịch là Nhiếp nã), các chúng quyền thuộc chung ở. Lại quá hơn một vạn một ngàn do tuần trong thành Tinh-uất-có vua A-tu-la tên gọi là Đảnh mạn, với các quyền thuộc cùng ở. Lại quá hơn một vạn một ngàn do tuần có thành Kiên-lao bên trong vua A Tu la ở tên gọi là Diệu chấn. Lại gọi là Đại lực với chúng quyền thuộc chung ở. Lại quá hơn một vạn một ngàn do tuần trong thành thậm thâm có vua A tu la tên gọi là Tỳ-ma-chất-đa-la. (Đây dịch Ty chủng chủng) với quyền thuộc. Thường cùng với trời Đế Thích so tài đánh nhau. Thành này gọi là Cự Kim điện cũng tên gọi Tấu nhạc, cây như ý vương tên gọi là Tức-đát-bát-lật. Chỗ tập lại một chỗ tên gọi là Hiền Tài. Đá tên gọi là Thiện Hiền, vườn tên gọi Phổ hỷ, Diệu hỷ rất vui rất hỷ thiện. Đất này cũng gọi là Phổ hỷ, Diệu hỷ, vui nhất, rất vui, voi để cưỡi chiến đấu tên gọi là Vô năng địch, voi để dạo chơi gọi là Lũy tuyết, Ngựa gọi là Tiêu bột đó là của Phi Thiên., cùng ba mươi ba cõi trời tranh đấu Tu đà vị và Tu la nữ. Vì đấu tranh cho nên từ trên núi xuất ra các thân mặc toàn bằng kim ngân, lưu ly, pha lê châu các thứ áo giáp cứng chắc, tay cầm kiếm Phi tiêu, thương cung tên. Thống lãnh bốn bộ quân. Vua kia A tu la vương, La hầu la Đảnh mạn, Diệu chấn, Tỳ-ma chất đa la v.v... hoặc ba vua trước đến, hoặc bốn vua đều đến. Lúc ấy, Đế thích có năm chúng bảo vệ: Một giữ biển vui chơi (Hý Hải) với các chúng Long vương Nguyệt Lạc, Bạch Pháp v.v..., cùng với Phi Thiên, đánh nhau khiến cho quay về. Long vương như không thắng sẽ đến chỗ Kiên thủ cộng thành hai chúng bảo vệ tiếp tục đánh với Tu La. Lại như không thắng tiếp đến chỗ tôi Man hợp thành ba chúng tiếp tục chiến đấu. Lại như không thắng tiếp đến Hằng kiều hợp thành bốn chúng tiếp tục chiến đấu. Lại như không thắng, tiếp đến chỗ Tứ vương hợp thành năm chúng bảo vệ tiếp tục đánh nhau. Tứ đại Thiên vương thống lãnh bốn chúng quân lính. giáp phục báu kiên cố, cầm các khí giới giáo gậy, đánh nhau, phần nhiều Tứ Thiên vương thắng. Nếu không thể đánh cho chúng thối lui, thì đến trước cõi trời Đạo lợi bạch Đế Thích rằng: Chúng tôi cùng với các chúng bảo vệ không thể đánh đuổi chúng A tu la trở về. Vua nên đánh đuổi bọn chúng. Bạch như vậy rồi. Thiên chủ Đế Thích cõi voi Thiện trụ, bảo với ba mươi ba chúng trời rằng: Phải biết, nay quân A tu la đã đến đảnh núi Diệu cao các ông phải mặc giáp kiên cố cưỡi xe ra đánh Tu la. Nói lời như vậy rồi các thiên tử kia, mỗi mỗi mặc giáp báu tay cầm giáo dài, gậy gộc, đi đến vườn chúng xa- chỗ để xe mà lấy, rồi vào vườn Tho ác, chuyển thân tâm ác, mở cửa thành Thiện

Kiến, xông ra đánh thật với Tu La kia cùng nhau đối địch đánh nhau dữ dội. Nếu như Tu La thắng thì xâm nhập đến trong thành, nếu như Trời đắc thắng thì đuổi quân Tu la, đến nơi biển thứ nhứt. Lúc đánh nhau, giao đấu, Thiên cùng phi Thiên bị đứt cổ, eo lưng, các chúng kia tức phải chết, còn tay chân như đoạn mất, lại mọc lại như cũ. Khi bạc Già Phạm, Bích Chi Phật, Chuyển luân Thánh vương trụ thế gian các chúng A tu la không khởi tâm tranh đấu. Giả sử như các chúng trời cùng nhau gìn giữ ắt phải thắng thôi. Hoặc việc thiện ở thế gian tăng các chúng trời cũng thắng, bất thiện tăng lên thì A tu la thắng. Bởi thế chư thiên thường hộ trì việc thiện.

*Thiên:* Tức loài trời dục giới sáu trời. Sắc giới mười bảy cõi, Vô sắc có bốn. Sáu trời Dục giới (cõi Dục) là: Núi Tô-mê-lô, tầng thứ nhứt: thuộc trời Kiên thủ ở. Tầng thuộc trời thứ hai Trì mạn ở Tầng thứ ba thuộc trời Hằng kiêu ở. Trên núi trì song hưởng Bắc có thành, gọi là A-na-ca phước đế thuộc trời Đa-văn và chúng Dược xoa ở. Như vậy, hưởng Đông có thành tên gọi Hiền Thượng, có đại Thiên vương tên gọi là Trì Quốc và chúng Càn thát ở. Hưởng Tây có thành tên gọi là: Chúng Sắc có đại Thiên vương tên gọi là Quảng Mục, cùng chúng Long Thần ở. Hưởng Nam có thành tên gọi là Tăng Trưởng, có đại Thiên vương tên gọi là Tăng Trưởng, cùng chúng Diêm mạn ở. Bốn tầng, bảy núi vàng còn lại v.v... Nhứt, nguyệt, tinh, tú núi Thiết vi, Luân vi, núi Thiệm bộ châu, chỗ có cây Đa la, Tứ vương, bộ chúng cũng trụ dừng nghỉ nơi này, đều gồm thuộc tứ vương, vì vậy nên gọi là một bộ. Thọ lượng của trời một ngày một đêm bằng năm mươi cõi người, như vậy mà tính thọ lượng trải qua năm trăm năm. Như thân lượng trời thì bằng một phần tư Câu-lô-xá. Ba mươi ba ở trời trên đỉnh núi Diệu Cao, Thiên chủ Đế Thích ở nơi tốt đẹp nhất, cùng với nữ Phi Thiên gọi là chỗ Diệu An, cùng chúng Thiên nữ thọ các dục lạc, không biết nhàm chán. Các voi để cưỡi đánh trận gọi là Thiên Trụ còn để dạo chơi trong vườn, thì gọi là Hát-la-phạt-nô. (Đây dịch là Trì địa tử).

Hai voi chu vi mỗi con bảy do tuần, mỗi con voi có tám ngàn chúng voi nhỏ ở. Lại có vua ngựa, tên gọi Tấn tốc, phong (nhanh như gió) cùng với tám ngàn ngựa ở. Thiên chủ phụ thần số đến ba mươi ba. vì vậy cho nên gọi là ba mươi ba trời. Các thiên tử chìm trong ngũ dục lạc, hoặc khi buông thả thì có trống trời lớn vang tiếng, cảnh báo chư Thiên rằng: “Chư hành vô thường, hữu lậu đều khổ, chư pháp vô ngã, tịch diệt là vui”.

Khi cùng với quân Tu la đánh nhau thì trống xuất ra âm thanh trừ

khổ cảnh cáo rằng: Mong chư Thiên thắng, cầu Tu la bại về cung điện, thành trì vườn cây các đá, như trước đã nói. Trời kia thọ lượng một ngàn năm, nên biết trăm tuổi nhân gian bằng một ngày một đêm trời này. Thân lượng của chúng trời bằng nửa Du-xà-na, Trời Diêm ma đó là: Ba mươi ba trời cùng với Phi Thiên đấu tranh, xa lìa đấu tranh đây cho nên gọi là cõi trời Ly Tránh, Thọ lượng trời này hai ngàn tuổi, nên biết hai trăm nhân gian bằng một ngày đêm ở Trời này. Thân của vị trời này bằng hai Du-xà-na. Trời Đâu suất đà có đấng Từ Thị là vị kế ngôi vị pháp vương thế, xuất thế gian. Nhận đại pháp lạc. Nói Đâu Suất là nghĩa câu lạc. Trời này thọ bốn ngàn tuổi, nên biết hơn gian bốn trăm năm bằng ở cõi này một ngày đêm. Thân lượng bốn Du-xà-na. Trời Hóa Lạc là tự hóa ra mà thọ dụng nên gọi là Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi, nên biết nhân gian tám trăm năm bằng cõi trời này một ngày đêm. Thân lượng tám Du-xà-na. Trời Tha hóa tự tại đó là thọ dụng sự biến hóa khác, nên gọi là Tha hóa tự tại. Vua trời trong đây uy đức tự tại, tức là Ma chủ, thọ lượng một vạn sáu ngàn tuổi, nên biết hơn gian ngàn sáu trăm năm, bằng cõi trời này một ngày đêm. Thân lượng mười sáu Du-xà-na. Từ dưới Vô gián đến cõi trời Tha hóa tự tại. Gọi là cõi dục giới, mê đắm dục lạc ăn bằng đoạn thực cho nên nói như vậy.

Sắc giới mười bảy: Thuộc về bốn tinh lự: Sơ thiên có ba trời: Là Phạm chúng, Phạm phụ và Đại Phạm. Các Trời này thọ lượng: Phạm Chúng nửa kiếp, Phạm Phụ một kiếp, Đại Phạm một kiếp rưỡi, cõi trời kia thân lượng, thứ tự nửa do tuần, một do tuần một do tuần rưỡi.

Nhị thiên ba Trời: Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Cực Quang. Thọ lượng: Thiếu Quang hai kiếp. ( Bốn trời trên, bốn mươi trung kiếp là một đại kiếp. Các trời sắp xuống, tám mươi trung kiếp là một đại kiếp), Vô Lượng quang bốn kiếp, Cực quang tám kiếp. Về thân lượng: Thiếu quang hai do tuần, Vô lượng quang bốn do tuần, Cực quang tám do tuần.

Tam thiên có ba Trời: Thiếu Thiện Vô lượng Thiện và Quảng Thiện. Về thọ lượng: Thiếu Thiện mười sáu kiếp, Vô lượng Thiện ba mươi hai kiếp. Quảng Thiện sáu mươi bốn kiếp, về thân lượng: Thiếu Thiện mười sáu do tuần, Vô lượng Thiện ba mươi hai do tuần, Quảng Thiện sáu mươi tư do tuần.

Tứ thiên có tám trời: Vô Vân, Phúc Sanh, Quảng Quả, cả ba là phạm cư. Vô phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh. Cả năm là Thánh cư, còn gọi là Ngũ Tịnh cư, về thọ lượng: Vô Vân một trăm hai mươi lăm kiếp. Phúc Sinh hai trăm năm mươi kiếp. Quảng



năm trăm trăm kiếp, Vô Phiền một ngàn kiếp. Vô Nhiệt hai ngàn kiếp. Thiện Hiện bốn ngàn kiếp. Thiện Kiến tám ngàn kiếp, Sắc Cứu Cánh, một vạn sáu ngàn kiếp. Về thân lượng: Vô Vân một trăm hai mươi lăm do tuần. Phúc Sanh hai trăm năm mươi do tuần. Quảng Quả năm trăm do tuần, Vô Phiền một ngàn do tuần, Vô Nhiệt, hai ngàn do tuần. Thiện Hiện bốn ngàn do tuần. Thiện Kiến tám ngàn do tuần, Sắc Cứu Cánh một vạn sáu ngàn do tuần. Từ trời Phạm chúng đến Sắc Cứu Cánh, đều gọi là Sắc giới xuất ly dục lạc, chẳng xa lìa sắc, cho nên gọi là Sắc giới.

Vô sắc giới có bốn trời: Không có thân sắc, cũng không có chỗ ở, Từ định phân làm bốn:

- Không vô biên xứ
- Thức vô biên xứ
- Vô sở hữu xứ
- Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Về thọ lượng:

- Không vô biên xứ, hai vạn đại kiếp.
- Thức vô biên xứ, bốn vạn đại kiếp.
- Vô sở hữu xứ: Sáu vạn đại kiếp.
- Phi tưởng phi phi tưởng xứ: Tám vạn đại kiếp.

Các bốn xứ này, gọi là Vô sắc giới, chẳng xa lìa sắc định, mà xuất ly thô sắc. Cho nên không gọi là sắc. Về thọ lượng các Trời, gọi là thời tuế, kiếp, lượng khác nhau thế nào? Thời gian ít nhất gọi là sát na, một trăm hai mươi sát na là một đất sát na. sáu mươi đất sát na là một La bà. Ba mươi La bà là một Mâu hưu đa. (Đây dịch là tu du tức là trong khoảnh khắc). Ba mươi Mâu hưu đa là một ngày đêm, ba mươi ngày đêm tức là một tháng, mười hai tháng tức là một năm. Kiếp có sáu loại:

Một là, trung kiếp (hoặc gọi là Biệt kiếp).

Hai là, Thành kiếp.

Ba là, Trụ kiếp.

Bốn là, Hoại kiếp.

Năm là, không kiếp.

Sáu là, đại kiếp.

- *Trung kiếp*: Người Hoặc Thiệm bộ, từ vô lượng tuổi, lần lần giảm đến tám vạn tuổi, tức kiếp thành. Từ tám vạn tuổi giảm đến mười tuổi. Gọi là đầu trung kiếp. Lại tăng trở lại tám vạn tuổi, rồi giảm đến mười năm là một Lộc- lô như vậy tăng giảm mười tám lần đó là mười tám

lần trung kiếp. Sau đó lại từ mười tuổi đến tám vạn tuổi ở giữa trước và sau của Trung kiếp cuối cùng. Từ mười tám Lộc-lô làm thành hai mươi. Thành kiếp Bắt đầu từ phong luân đến ngục Vô gián, sanh một hữu tình khí thể giới thành tựu trải qua một trung kiếp, như trước đã nói. Tình thể giới là: Nói tam thiên giới. Lửa thiêu đốt hư hoại về sau lại thành, từ trời Cực Quang trời người mạng chung sanh chỗ Đại Phạm, cô độc, sanh ra mỗi một nhàm chán bèn than: Nếu có đồng phận sanh nơi này có gì tốt bằng! Phát tâm như vậy, tuy chẳng phải niệm lực nhưng nơi Cực Quang Thiên, có người mạng chung liền sanh. Do tâm nhớ đời trước mà nghĩ rằng: Do ta tham sanh. Cho nên, thế gian đều xưng Đại phạm là tử tổ loài người. Như vậy tiếp đến. Phạm Phụ, Phạm Chúng. Tha hóa tự tại, cho đến Tứ vương thứ tự mà sanh. Bắc Cưu Lô châu. Tây Ngưu Hóa châu. Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ châu, thứ tự mà sinh. Lúc đó, người ở Thiệm Bộ châu thọ mạng vô lượng tuổi ăn uống hỷ lạc có sắc ý mà thành. Đượm ánh sáng, bay đi tự tại như trời Sắc giới. Có một loại như đất, vị nó vừa sanh ra đã có mùi vị thơm ngon, sắc trắng sạch ngọt như mật, mùi thơm nơi thân tỏa ra lan xa ngào ngạt. Khi ấy có một người, bắm tánh chìm đắm say mê nơi mùi vị, ngửi mùi thơm khởi tâm ưa thích, lấy nệm thủ bèn ăn vào, cũng bảo với người khác theo bắt chước lấy mà ăn, ăn no rồi lại ăn, cho nên trên thân ánh sáng ẩn mất. Do các nghiệp cảm nên mặt Trời, mặt Trăng bèn xuất hiện, chiếu sáng bốn châu. Kế đến mùi vị thơm của đất ẩn mất lại sanh ra đất ngon như bánh. Đất này mùi vị ngon ngọt màu sắc đỏ, lại tranh nhau đam mê ăn đất có mùi vị này, đất ăn. Bánh đất ẩn mất lại sanh ra rừng dây leo; cũng tranh nhau ăn tham mê ăn cho nên rừng dây leo lại ẩn mất. Rồi lại có không cày cấy gieo trồng mà tự nhiên mọc; thế rồi chúng cùng nhau dành lấy mà ăn. Đây là ăn thứ thô cho nên căn thô phù như ấu đều xuất hiện. Bấy giờ, mọi người tùy theo sớm tối lấy lúa thơm mà ăn, về sau có người bắm tánh biếng nhác, lấy lúa thơm cất chứa lâu ngày, dự trữ đủ để mà ăn, những người khác bắt chước theo cho nên lúa thơm lại ẩn mất. Rồi lại theo cùng nhau phân chia ruộng đất, suy nghĩ ngăn phòng từ xa đến lấy hết. Như vậy nơi đây tự mình phân chia ruộng rồi sanh ra keo bần, bần xỉn, tâm giữ gìn, sợ nơi khác đến phân chia ruộng nên ô lòng muốn xâm chiếm cướp đoạt. Cho nên, sanh ra cạnh tranh. Lúc bấy giờ trong số người có một người đức hạnh mới bàn rằng: Phong cho chức Điền chủ, mọi người đồng ý, gọi là Đại tam mạt đa vương. (Đây dịch chúng sở hứa). Vua có con, tiếp tục nối ngôi vua. Con vợ chánh gọi là Quang Diệu. Có con Thiện Đế, Tĩnh trai v.v... là năm vị vua ở kiếp

thành. Vương tử Tĩnh trải còn gọi tên là Đảnh Sanh. Có con là Diệu Đế Cận Diệu, Cụ Diệu, Nghiêm Diệu. Như vậy các người con vua gọi là năm Chuyển luân vương. Con của Nghiêm Diệu vương tên gọi là Xả Đế, có con là xả Song. Xả Cố Ni, Cố Thất. Thiện Kiến, Đại Thiện Kiến, Trừ Nghi, Kim Sắc, Cụ phân, Ly Ác, Diệu Cao, Định Hạnh, Thâm Nhũ Âm. Đại Thâm Nhũ Âm, Năng An, Phương Chủ, Hiền Trần, Năng Quảng, và Đại Thiên. Vị vua này có năm ngàn tướng theo, người con sau cùng bảy ngàn tướng theo, gọi là A-tư-ma-ca-vương. Người con sau cùng tám ngàn tướng theo, gọi Cửu lâu vương, người con sau cùng của Cửu Lâu Vương gọi là Cụ Đầu vương, lại có chín ngàn vương tử. Người con sau cùng của Cụ Đầu vương tên gọi là Long Âm, lại có một vạn vương tử. Người con sau cùng của Long âm lại tên là Đát di lưu. Đát di lưu có một vạn năm ngàn vương tử Người con sau cùng của Di Lưu tên là Cù Đàm thị. Đây tức hậu duệ Cam Giá. Người con kia kế thừa giòng vua Cam Giá số đến một ngàn một trăm. Người con sau cùng của giòng vua Cam Giá, tên gọi là Tăng Trưởng (Tức là Ý Sư Ma Vương). Vua có bốn người con. Người con thứ nhất tên Diệm Quang. Thứ hai tên Tượng Thực, thứ ba tên Điều Phục Tượng. Thứ tư tên Nghiêm Trước xưng họ Thích ca. Có con tên gọi Nghiêm Trước Túc, người con kia tên Trí Sở. Người con kia tên Ngưu Cư. Người con kia tên Sư Tử Giáp vương. Có bốn người con Một tên Tịnh Phạn Hai tên Bạch Phạn. Ba tên Hộc Phạn. Bốn tên Cam Lộ Phạn, con của Tịnh Phạn tức Bạc Già Phạm . Người con kế tên Nan- đà. Bạch Phạn vương có hai người con. Một tên là Đế sa Điều đạt. Hai tên Nan đề-ca. Hộc Phạn vương có hai người con. Một tên A-ni lâu đà Một tên Bạt-đề-lê-ca. Cam Lộ Phạn Vương có hai người con. Một tên A- nan. Một tên Đề-đạt-đa. Bà Già Phạm có một người con tên La-hầu La chủng tộc Thích Ca đến đây là hết vậy.

Lại có vua khác dựa vào làm hưng thịnh giáo pháp. Đức Như Lai diệt độ sau hai trăm năm, ở nước Trung Ấn độ, có vua tên gọi là Vô Ưu là pháp vương nơi Thiệm Bộ Đề. Vua phần nhiều trong khi kết tập kinh điển là vị thí chủ, hưng long Phật giáo, sau ba trăm năm. Tây bắc Thiệm Bộ có vua. Hạt Ni Thi Hạt làm thí chủ vào Thời kỳ kết tập thứ ba, làm cho Phật giáo mở rộng hưng thịnh lên nhiều. Nước Phạm Thiên Trúc, nước Ca-thấp-di-la, nước lạc, nước Quy Tư (âm Khư từ) Niết ba-lạt, nước Chấn Đán (Trung quốc) nước Đại Lý. Nước Tây Hạ v.v... các chúng Pháp vương, mỗi nơi bốn Quốc của mình làm cho giáo pháp hưng thịnh. Đức Như Lai diệt độ sau hơn ngàn năm trong nước Tây Phiên. Bắt đầu có vua. Gọi là Nha-ngật-lật-tán phổ, hai mươi sáu

đời thay nhau có vua. Tên gọi là Hợp-đà-đóa-lật-tư nhan-tán. Khi bấy giờ Phật giáo bắt đầu đến, về sau đời thứ năm có vua, tên là Song Tán Tư Cam Phổ, thời Ban Di Đạt gọi là A-đạt-đà. Dịch chính là Đao Mỹ Tam-ba-la, phiên dịch giáo pháp, tu sửa kiến tạo thờ Phật tượng và chỗ Tinh xá, các nơi chỗ Phật thuyết pháp ngày xưa, lưu truyền giáo pháp. Sau đời thứ năm có vua tên gọi ngật lật song đề tán. Vua triệu thỉnh Thiện Hải Đại sư, Liên Hoa Sanh Thượng sư. Ca-ma-la-thập. La-ban-di. Những người thành tựu này cùng Tỳ-lô-giá-na-la khư-đát và Khang Long Tôn Hộ v.v... bảy người, phiên dịch giáo pháp. Ngoài ra ban di đạt cùng với các chủ dịch, rộng phiên dịch giáo pháp, ba loại cấm giới hưng khởi! lưu truyền trong nước. Về sau đời thứ ba có vua, tên gọi là Ngật lật lai ba thiêm là Vương Giới Quảng, khi bấy giờ có Tích-na-di-đa, với Thấp liên đát la Bồ đề. Ban di đạt v.v... cùng với Tư hạt can kết Tường. Tích chức la long trưởng v.v... rồi phiên dịch, chỉnh sửa rất chuyên cần. Những kinh chưa phiên dịch thời đem ra phiên dịch, rộng truyền và hưng thịnh giáo pháp. Giòng vua ở Tây Phiến đến nay vẫn còn ban-di-đạt v.v... Những dịch chủ phiên dịch. Chúng thiện tri thức rất nhiều. Cho nên giáo pháp do đó mà hưng thịnh.

Nước Mông cổ phương Bắc trước là Phước Quả Thục Sanh Vương gọi là Thành Kiết Tư. Từ cách so sánh vua trần nhiều phát âm theo tên nước, như Thiết Luân Vương. Người con kia tên là Can Quả đời, khi bấy giờ xưng là Kha Hản, lên ngôi vị Đế Vương. Cương giới rộng hơn vua trước, có con tên gọi là Cổ Vĩ cũng lên ngôi vị Đế Vương. Thành Kiết Tư Hoàng đế, kế đến con tên gọi là Đóa La. Trưởng tử của Đóa La tên gọi là Mong Ca, cũng lên ngôi vị vua. Vương đệ tên gọi là Hốt Tất Liệt, cũng lên ngôi vị vua. Hàng phục các nước. Mở rộng biên cõi quy y giáo pháp của Phật, dựa vào pháp giáo hóa dân chúng. Phật giáo rực rỡ sáng chói hơn trước. Vua có ba người con. Người con trưởng tên gọi là Chân Kim Phong Túc. Như Thiên pháp Bảo Trang Nghiêm. Hai là tên Man Các Thích. Ba gọi là Nạp Ma Hạ. Mỗi người đầy đủ bốn đức kế thừa cũng như vậy. Tư là ban đầu từ giòng vua Thích Ca, đến giòng vua hiện nay.

